

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 9057/TB-UBND-VHTT

Quận 12, ngày 01 tháng 10 năm 2024

THÔNG BÁO

**Về việc lấy ý kiến Nhân dân đối với việc đặt tên đường
trên địa bàn Quận 12**

Căn cứ Thông báo số 5305/TB-SVHTT ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc lấy ý kiến Nhân dân đối với việc điều chỉnh lý trình, đặt tên đường và công trình công cộng trên địa bàn Quận 1, Quận 12, quận Tân Phú và thành phố Thủ Đức;

Ngày 01 tháng 10 năm 2024, Hội đồng tư vấn đặt tên, đổi tên đường và công trình công cộng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là Hội đồng) đã họp cho ý kiến đối với việc đặt tên đường và công trình công cộng trên địa bàn Quận 12. Các thành viên đã cho ý kiến và thống nhất về các đề xuất đặt tên đường trên địa bàn Quận 12 (10 tuyến đường), cụ thể như sau:

Về việc đặt tên đường trên địa bàn Quận 12 (10 tuyến đường):

STT	Tên đường hiện hữu	Địa bàn	Chiều dài	Quy mô mặt cắt ngang đường	Lộ giới	Lý trình		Tên đường đề nghị đặt mới
						Điểm đầu	Điểm cuối	
1	Đường Trung Mỹ Tây 13	Phường Trung Mỹ Tây, Quận 12	900m	Lòng đường 8m, vỉa hè 2mx2	12m	Đường Song hành QL 22	Tô Ký	Phan Văn Hùm (1930 – 1946)
2	Đường Trung Mỹ Tây 2A	Phường Trung Mỹ Tây, Quận 12	895m	Lòng đường 7m, vỉa hè 3mx2	13m	QL 22	Trường Quân sự QK7	Nguyễn Thị Trên (1930 – 1968)
3	Đường Trung Mỹ Tây 7A	Phường Trung Mỹ Tây, Quận 12	595m	Lòng đường 11m, vỉa hè 4,5mx2	20m	QL1	Trung Mỹ Tây 2A	Đồng Tiến

STT	Tên đường hiện hữu	Địa bàn	Chiều dài	Quy mô mặt cắt ngang đường	Lộ giới	Lý trình		Tên đường đề nghị đặt mới
						Điểm đầu	Điểm cuối	
4	Đường Thới An 03	Phường Thới An, Quận 12	300m	Lòng đường 20m, vỉa hè 2,5m ² (tùy đoạn)	25m	Đường Lê Văn Khương	Ranh dự án Đồng Gia	Ba Du (1904 – 1980)
5	Đường Thới An 06	Phường Thới An, Quận 12	225m	Lòng đường 7m, vỉa hè 3mx2	12m	Đường Lê Văn Khương	Đường Trần Thị Cờ	Trần Văn Lắm (1915 – 1978)
6	Đường Tân Thới Nhất 21	Phường Tân Thới Nhất, Quận 12	430m	Lòng đường 10m, vỉa hè 3mx2	16m	Tân Thới Nhất 17	Hẻm 90 Tân Thới Nhất 21	Lê Thị Ánh (1933 – 1967)
7	Đường Đ32	Phường Tân Thới Nhất, Quận 12	450m	Lòng đường 7m, vỉa hè 3mx2	13m	Tân Thới Nhất 17	Cuối ranh dự án khu tái định cư 10ha	Thắm Thệ Hà (1923 – 2009)
8	Đường Đ1	Phường Tân Thới Nhất, Quận 12	555m	Lòng đường 10,5m, vỉa hè 4,75x2, đoạn từ Tân Thới Nhất 15 cuối ranh dự án khu tái định cư 10ha, vỉa hè 4,75x3	20m	Tân Thới Nhất 17	Cuối ranh dự án khu tái định cư 10ha	Huỳnh Tấn Chùa (1918 – 1947)
9	Đường Đ27	Phường Tân Thới Nhất, Quận 12	420m	Lòng đường 6m, vỉa hè 3mx2	12m	Dương Thị Giang	Đ11	Nam Đình (1906 – 1978)
10	Đường Hiệp Thành 11	Phường Hiệp Thành, Quận 12	606m	Lòng đường 20m, vỉa hè 2,5mx2	12m	Nguyễn Ánh Thủ	D2	Nguyễn Văn Vân (1920 – 1972)

Căn cứ khoản 1 Điều 17 Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng quy định: "... *Cần công bố công khai dự kiến đặt tên hoặc đổi tên đường, phố, công trình công cộng để Nhân dân tham gia góp ý kiến*

trước khi Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trình Hội đồng nhân dân cùng cấp tại các kỳ họp thường kỳ hàng năm”.

Căn cứ khoản 2, Mục VI hình thức lấy ý kiến về dự kiến đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT của Bộ Văn hóa – Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) “Công bố công khai dự kiến đặt tên hoặc đổi tên đường, phố, công trình công cộng”.

Ủy ban nhân dân Quận 12 công khai dự kiến đặt tên đường trên địa bàn Quận 12 để Nhân dân tham gia góp ý kiến.

Ý kiến góp ý của Nhân dân gửi về Ủy ban nhân dân quận (thông qua phòng Văn hóa và Thông tin) tại địa chỉ số 01, đường Lê Thị Riêng, phường Thới An, Quận 12 hoặc qua hộp thư điện tử của phòng Văn hóa và Thông tin vhtttt.q12@tphcm.gov.vn trong vòng 15 ngày kể từ ngày ban hành Thông báo

(Đính kèm tóm tắt tiểu sử các nhân vật lịch sử và sơ đồ vị trí các tuyến đường dự kiến đặt tên)

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND quận (CT, PCT/VX);
- VP.UBND quận;
- Phòng VHHT;
- Phòng QLĐT;
- UBND phường: TMT, TA, TTN, HT;
- Lưu: VT, VHHT(1b).H.12.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Thị Chính

TÓM TẮT TIỂU SỬ NHÂN VẬT LỊCH SỬ, LỊCH SỬ ĐỊA DANH ĐỀ XUẤT ĐẶT TÊN ĐƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 12



1. Phan Văn Hùm (1902- 1946)

Là nhà hoạt động chính trị, nhà nghiên cứu, Bút danh Phù Dao, Huỳnh Ư Mai, quê làng Búng, Lái Thiêu (nay thuộc tỉnh Bình Dương)

Ông xuất thân trong gia đình nông dân, thờ nhỏ học ở Sài Gòn, sau khi đỗ Trung học ra Hà Nội học ngành công chánh. Tốt nghiệp, ông trở về Nam, không đi làm việc cho thực dân mà lui về quê đọc sách, liên lạc với các nhà yêu nước thời bấy giờ ở miền Nam như Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu, Mai Bạch Ngọc, Nguyễn Văn Bá. Năm 1929, ông bị thực dân bắt vì vụ là “Đánh lính kín”. Trong tù, ông viết quyển *Ngồi tù khám lớn vạch tội ác của thực dân Pháp cổ tình vu không và gài bẫy nhà yêu nước Nguyễn An Ninh*, đồng thời lên án chế độ cai trị tàn nhẫn và nhà tù thực dân ở Đông Dương.

Năm 1930, ra tù ông sang Pháp du học, chuyên viết về triết học tại Trường Đại học Sorbonne.

Năm 1933, tốt nghiệp, ông về nước hợp tác cùng Nguyễn An Ninh, Tạ Thu Thâu, Nguyễn Văn Tạo, Trần Văn Thạch, Lê Văn Thử,... xuất bản *báo La Lutte*, *Đồng Nai* làm cơ quan đấu tranh chống thực dân và tay sai công khai tại Sài Gòn.

Tại Sài Gòn ông vừa viết báo vừa dạy học tại các trường tư thực, cùng Phan Văn Chánh, Nguyễn Phi Oanh, Tạ Thu Thâu... tại các trường Nguyễn Trọng Hi, Huỳnh Khương Ninh... Ông là tác giả các bài liên tục trên báo: *Mai*, *Phụ nữ tân văn*, *Việt Thanh*, *Dân Quyền*, *Thần Chung*,...

Năm 1936, ông cùng Tạ Thu Thâu, Nguyễn Văn Tạo đắc cử Hội đồng thành phố Sài Gòn, đại diện nhân dân trong “Sổ lao động” của báo *La Lutte*.

Khi tái đắc cử, có tiếng nói công khai trong Hội đồng thành phố, nhóm ông đã gây nên tiếng vang lớn nên thực dân rất căm ghét, luôn tìm cách cách chức ông và các đồng viên cùng lập trường, quan điểm.

Năm 1939, ông ứng cử vào Hội đồng Quản hạt Nam kỳ tái đắc cử, nhưng bị thực dân gian lận, nhân một số bài báo đăng trên các báo, nhất là *La Lutte*, ông bị thực dân bắt giam và kết án đày ra Côn Đảo.

Năm 1942, được trả tự do, nhưng vẫn bị quản thúc tại Tân Uyên (Biên Hòa)

Cách mạng tháng Tám thành công, ông hăng hái tham gia các công tác Sài Gòn. Ông mất vào đầu năm 1946 tại miền Đông Nam Bộ.

Ngoài hoạt động chính trị, Phan Văn Hùm còn là một nhà nghiên cứu nghiêm túc. Thờ sinh thời ông đã xuất bản các sách: *Ngồi tù Khám lớn* (1929), *Biện chứng pháp*, *Nỗi lòng Đồ Chiểu* (1943), *Dương Từ Hà Mậu*, *Ngư tiêu vấn*

đáp y thuật (chú thích), Vương Minh, Phật giáo triết học, Luận tụng và một số bài biên khảo có giá trị trên các tạp chí.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Quỹ đặt, đổi tên đường của Thành phố tại Nghị quyết số 66/2006/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

2. Nguyễn Thị Trên (1930 –1968)

Liệt sĩ, Mẹ Việt Nam anh hùng.

- Quê quán: ấp Phú Lợi, xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi.

- Mẹ là liệt sĩ

- Mẹ có 03 người thân là Liệt sĩ, gồm:

1. Chồng, Liệt sĩ Phan Văn Phiên, sinh năm 1927. Ông là Trưởng đoàn Văn công T4 của Gia Định. Hy sinh ngày 29/10/1968, tại ấp Phú Lợi, xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi.

2. Con, Liệt sĩ Phan Văn Thum, sinh năm 1952. Là đội viên du kích của xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi. Hy sinh ngày 19/6/1972 tại xã Phú Mỹ Hưng, huyện Củ Chi.

3. Con, Liệt sĩ Phan Văn Tiền, sinh năm 1965. Là cán bộ công an xã Chân Thành, Bình Long, tỉnh Bình Phước. Hy sinh ngày 2/5/1985 tại xã Chân Thành, Bình Long, tỉnh Bình Phước.

- Thông tin về Mẹ: Mẹ sinh ra trong một gia đình nông dân nghèo tại huyện Củ Chi. Mẹ có 7 anh chị em tham gia kháng chiến chống Pháp và hy sinh. Mẹ được 3 người con (2 trai và 1 gái). Trong kháng chiến, Mẹ công tác trong Hội Liên hiệp phụ nữ xã Phú Mỹ Hưng. Chiều ngày 5/6/1968, mẹ cùng 12 chị em tham gia tải đạn, tiếp tế cho bộ đội đánh đồn giặc tại Ấp Ràng, Củ Chi. Không may, máy bay địch phát hiện và bắn pháo sục hầm. Mẹ và 12 chị em hy sinh. 4 tháng sau, chồng mẹ cũng hy sinh, 2 người con trai của mẹ cũng lần lượt hy sinh. Bà Phan Thị Nền—con gái của mẹ tham gia văn công. Hiện nay là thương binh 4/4.

- Quyết định **truy tặng** số QĐ 394KT/CTN ngày 17/12/1994.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Quỹ tên đường tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 06/2014/QĐ-UBND ngày 22 tháng 01 năm 2014.

3. Đông Tiến

Là Ấp của xã Đông Hưng Thuận, huyện Hóc Môn từ sau 30/4/1975. Đông Hưng Thuận trở thành tên phường của Quận 12 từ sau ngày 06/01/1997

Địa danh được bổ sung vào Quỹ đặt, đổi tên đường của Thành phố tại Nghị quyết số 66/2006/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

4. Ba Du (1904 – 1980)

Nghệ sĩ Cải lương. Tên thật là Phan Văn Hai. Quê xã Chánh Hiệp nay là xã Hòa Hiệp, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Từ khi còn là học sinh trung học, ông đã đam mê đờn ca tài tử. Là một nghệ sĩ cải lương, ông đã nổi tiếng trong các vở: *Mộc Quế Anh dâng cây, Anh hùng náo tam môn giai, Thôi Tử thí Tề Quân...* với lối hát, diễn nhiều sáng tạo, có “đánh đồ thiệt” (dùng đồ binh khí thật đánh nhau bằng võ Thiếu lâm). Đồng thời, ông cũng là soạn giả cải lương. Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, ông hoạt động ở Đồng Tháp Mười, góp phần xây dựng Đoàn Ca kịch Cửu Long (đội cải lương của Chi hội Văn nghệ Nam Bộ).

Năm 1954, ông tập kết ra Bắc, công tác ở Đoàn Cải lương Quân đội, Ban Nghiên cứu sân khấu cải lương, Hiệu phó Trường Ca kịch dân tộc, đem kinh nghiệm của nhiều năm trong nghề xây dựng các đoàn cải lương, đào tạo các thế hệ diễn viên trẻ, nghiên cứu nghệ thuật sân khấu. Ông có công lớn trong việc xây dựng Đoàn Cải lương Nam Bộ.

Ông mất năm 1980, được truy tặng danh hiệu “Nghệ sĩ nhân dân” năm 1984.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Quỹ tên đường tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 06/2014/QĐ-HĐND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

5. Trần Văn Lắm (1915 – 1978)

Họa sĩ, điêu khắc gia

Quê ở Chợ Lớn (nay thuộc quận 5 – thành phố Hồ Chí Minh)

Thuở còn trẻ, ông học trung học tại Sài Gòn, năm 1929 vào học tại trường Mỹ nghệ thực hành Gia Định (nay là Đại học Mỹ Thuật thành phố Hồ Chí Minh). Năm 1930, tốt nghiệp làm việc tại Sài Gòn.

Năm 1936, ông ra Hà Nội thi Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương chuyên về điêu khắc, tốt nghiệp năm 1941, về làm việc tại Sài Gòn.

Sau ngày Pháp tái chiếm Nam Bộ (2/9/1945), ông gia nhập lực lượng kháng chiến, phụ trách các khóa huấn luyện hội họa cho quân đội suốt 9 năm ở miền Tây Nam Bộ.

Hiệp định Genève được ký kết giữa Việt Nam và Pháp chấm dứt chiến tranh. Năm 1954, ông tập kết ra Bắc, làm giáo sư tại Trường Cao đẳng Mỹ thuật Việt Nam (Hà Nội). Từng đảm nhiệm các chức vụ: Hiệu phó trường Đại học Mỹ thuật Hà Nội, Phó tổng thư ký Mỹ thuật Việt Nam.

Sau ngày thống nhất đất nước, năm 1976, ông về công tác tại Hội Mỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 1978 ông bệnh qua đời, thọ 63 tuổi.

Ông là tác giả của nhiều tượng, chân dung được trưng bày tại các Bảo tàng Mỹ thuật.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Quỹ đặt, đổi tên đường của Thành phố tại Nghị quyết số 66/2006/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

6. Lê Thị Ánh (1933- 1967)

Liệt sĩ, Anh hùng Lực lượng vũ trang

- Quê quán: xã An Khánh, Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Mẹ là liệt sĩ
- Mẹ có 02 người thân là liệt sĩ:

1. Chồng Liệt sĩ Trịnh Văn Cổ là Cán bộ xã xã đã hy sinh trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước ngày 14/10/1966, tại Củ Chi, truy tặng liệt sĩ ngày 30/7/1997.

2. Con Liệt sĩ Trịnh Văn Nghiệp, sinh năm 1952 hy sinh ngày 18/6/1966, tại Củ Chi, truy tặng liệt sĩ ngày 30/7/1977.

- Thông tin về Mẹ:

Mẹ Có 04 người con, cả gia đình mẹ đều tham gia cách mạng. Mẹ công tác tại Hội liên hiệp Phụ nữ huyện Củ Chi, phụ trách cụm Tân Lập Thượng. Mẹ hy sinh năm 1967, truy tặng liệt sĩ ngày 08/6/1977.

Quyết định truy tặng số QĐ 394 KT/CTN, ngày 17/12/1994

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Quỹ đặt, đổi tên đường tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 06/2014/NQ-HĐND ngày 22 tháng 01 năm 2014.

7. Thẩm Thệ Hà (1923-2009)

Nhà văn

Tên khai sinh Tạ Thành Kinh, sinh ngày 09/3/1923.

Quê quán: Gia Lộc, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Sơ lược quá trình hoạt động cách mạng và sự nghiệp văn chương:

Nhà văn Thẩm Thệ Hà tham gia cách mạng từ năm 1945 hoạt động trong Ban điệp báo Sài Gòn - Chợ Lớn – Gia Định.

Năm 1949, cùng với Vũ Anh Khanh (1926-1956) thành lập nhà xuất bản Tân Việt Nam.

Từ năm 1952 – 1965, dạy học ở vùng tạm chiếm các trường: Nguyễn Văn Khuê, Chi Lăng, Tân Thanh, Đức Trí, Dân Trí, Trần Hưng Đạo.

Năm 1966, cùng với Tô Nguyệt Đình (1920-1988) thành lập nhà xuất bản Lá Dâu.

Sau 1975, ông là hội viên Hội Nhà văn Thành phố Hồ Chí Minh, hội viên Hội Văn nghệ Tây Ninh.

Thẩm Thệ Hà mất ngày 20/6/2009. Trong sự nghiệp văn chương, nhà văn Thẩm Thệ Hà đã để lại nhiều tác phẩm như: Vó ngựa cầu thu, Gió Biên Thủy, Người yêu nước, xuất bản năm 1949; Đồi tươi thắm, năm 1956; Hoa trinh nữ, năm 1957; Bạc áo hào hoa, năm 1969; Ai nghe lòng đất quận đau, năm 1961; Tình yêu và lý tưởng, năm 1989; Thanh mai trúc mã, năm 1994; Nhà sư dị thường, năm 1996; và nhiều bài thơ đăng trên Phổ thông Bán nguyệt san và các báo Sài Gòn như: Đồng trinh, Chúa nhật, Thanh niên, Điện tín.

Thẩm Thệ Hà là một trong những nhà văn tiên phong, một cây bút tiêu biểu của văn học yêu nước ở thành thị Nam Bộ giai đoạn 1945 – 1975, sự nghiệp văn chương và những đóng góp quan trọng của nhà văn Thẩm Thệ Hà cho tiến trình văn học cách mạng và cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Nhà văn Thẩm Thệ Hà xứng đáng có một vị trí quan trọng trong lịch sử văn học thế kỷ XX.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Quỹ đất, đổi tên đường tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 5351/QĐ-UBND ngày 11 tháng 10 năm 2016.

8. Huỳnh Tấn Chùa (1918 – 1947)

Liệt sĩ, quê quán ấp Thuận Kiều, xã Đông Hưng Thuận (nay thuộc quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh). Ông sinh ra trong một gia đình có truyền thống cách mạng. Ngay từ thuở thiếu thời ông đã tham gia hoạt động cách mạng tại địa phương.

Năm 1935, ông thoát li gia đình tham gia hoạt động cách mạng. Năm 1936, ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Đông Dương, cùng năm đó, ông bị thực dân Pháp bắt giam ở Khám Lớn Sài Gòn, chúng tra tấn rất dã man nhưng không khuất phục được ông. Sau đó ông bị kết án 5 năm tù và chuyển đến giam tại nhà tù Tân An (tỉnh Long An). Năm 1937, ông vượt ngục về quê nhà tiếp tục hoạt động cách mạng. Năm 1939, ông cùng các đồng chí khác tổ chức một cuộc mít-tinh lớn, rải truyền đơn, dán biểu ngữ ở Bà Điểm (Hóc Môn) để phản đối thực dân Pháp bắt thanh niên Việt Nam đi lính. Năm 1945, ông tham gia thành lập và là Ủy viên quân sự Giải phóng quân liên quận Hóc Môn – Bà Điểm – Đức Hòa.

Năm 1946, ông chỉ huy đánh bộ binh Pháp và xe bọc thép giải thoát cho Trung tướng Nguyễn Bình - Khu Bộ trưởng khu 7 ở xã Vĩnh Lộc.

Năm 1947, ông chỉ huy Chi đội 12 phối hợp với một đơn vị của Chi đội hải ngoại Trần Phú đánh bọn lính dù Pháp ở Giồng Dinh không có chúng bao vây Bộ chỉ huy Bộ Tư lệnh Quân khu 7. Trong trận này, ta đã tiêu diệt được lực lượng tinh nhuệ của địch. Tin chiến thắng Giồng Dinh đã làm nức lòng đồng bào và chiến sĩ ta. Cũng trong trận đánh này, ông bị bom ép thổ huyết và anh dũng hy sinh vào 22 tháng 7 năm 1947 tại xã Hòa Khánh, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Quỹ tên đường tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 06/2014/NQ-HĐND ngày 22 tháng 01 năm 2014.

9. Nam Đình (1906 – 1978)

Nhà báo yêu nước. Tên thật là Nguyễn Thế Phương. Quê Long An.

Ông vào làng báo năm 1926, là phóng viên chuyên đề về tòa án của nhiều tờ báo ở Sài Gòn. Sau đó ông là chủ bút tờ Đuốc Công lý, chủ nhiệm kiêm chủ bút nhật báo Thần Chung (1949), tham gia làm báo Đuốc Nhà Nam.

Ông là nhà báo nổi tiếng với chủ trương thống nhất Tổ quốc, chống âm mưu thành lập chính phủ Nam Kỳ tự trị của bác sĩ Nguyễn Văn Thinh, bù nhìn của Pháp. Là tác giả nhiều tiểu thuyết được ưa chuộng như Tuý Hoa Đình, Mộng Hoa, Giọt lệ má hồng, Vô oan trái, Bó hoa lài, Cô Bạch Mai. Và các sách nghiên cứu lịch sử: Sài Gòn tháng 9 năm 1964, 83 năm nước Pháp và Việt Nam đã mấy lần ký Hiệp ước.

Ông mất tại Pháp năm 1978.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Quỹ tên đường tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 06/2014/QĐ-HĐND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

10. Nguyễn Văn Vân (1920 – 1972)

Nhà cách mạng. Bí danh Bảy An. Quê Nam Đàn, Nghệ An.

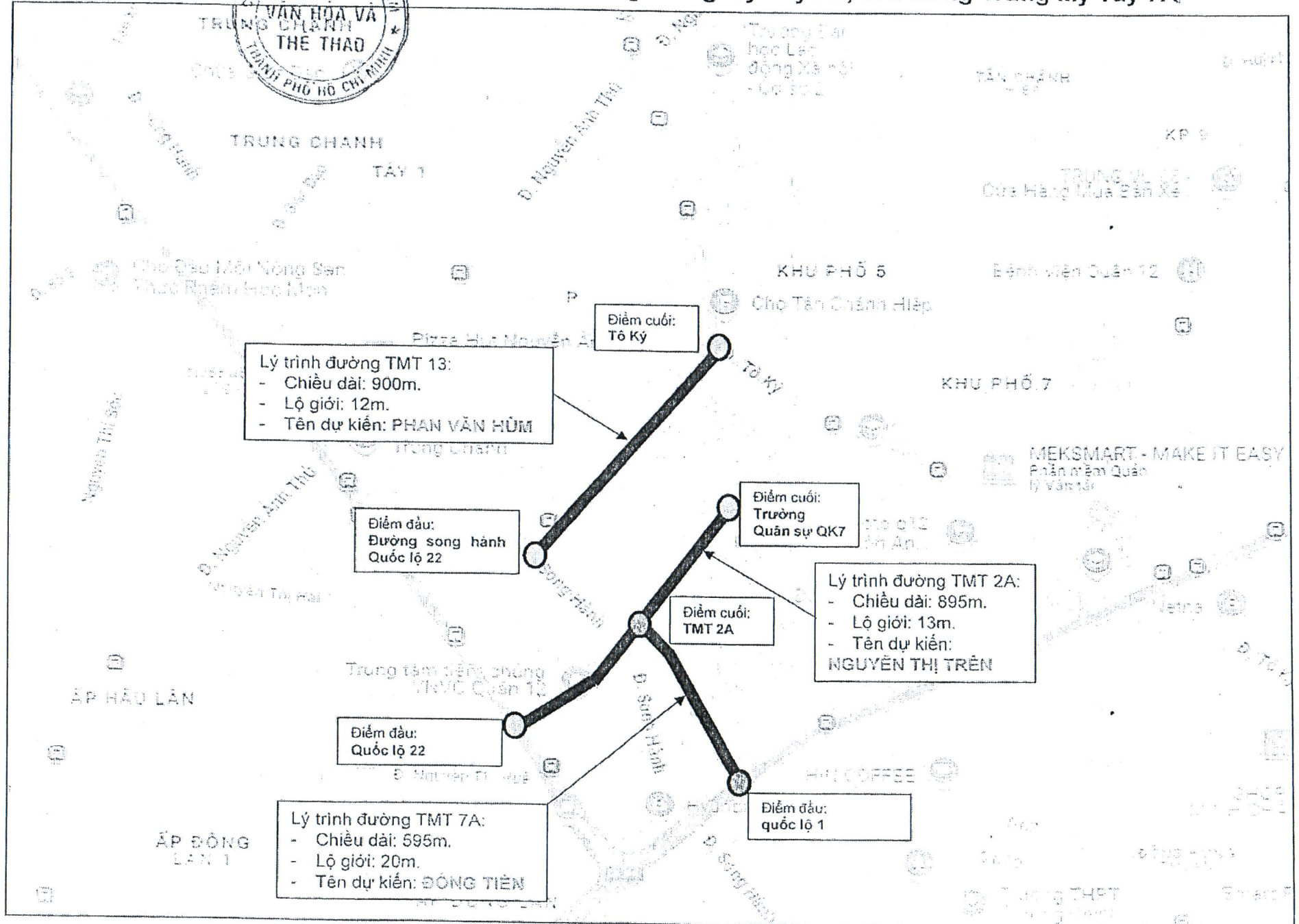
Ông tham gia cách mạng, làm liên lạc từ năm 14 tuổi. Từ năm 1936 đến năm 1939, ông vào Sài Gòn hoạt động trong giới công nhân ở các hãng bia và thuốc lá. Năm 1940, ông bị địch bắt đày ra Côn Đảo. Trong kháng chiến chống Pháp, ông lần lượt giữ các chức vụ: Bí thư Quận ủy Cần Giuộc, Phó Bí thư Tỉnh ủy Chợ Lớn và năm 1960 là Khu ủy viên Khu ủy Sài Gòn – Gia Định đặc trách công tác Tuyên huấn và đào tạo cán bộ cho Khu ủy Sài Gòn – Gia Định.

Ông hy sinh tại Căn cứ Trung ương Cục miền Nam năm 1972.

Nhân vật lịch sử được bổ sung vào Quỹ tên đường tại Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 06/2014/QĐ-HĐND ngày 22 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố.

II. SƠ ĐỒ ĐẶT TÊN ĐƯỜNG QUẬN 12

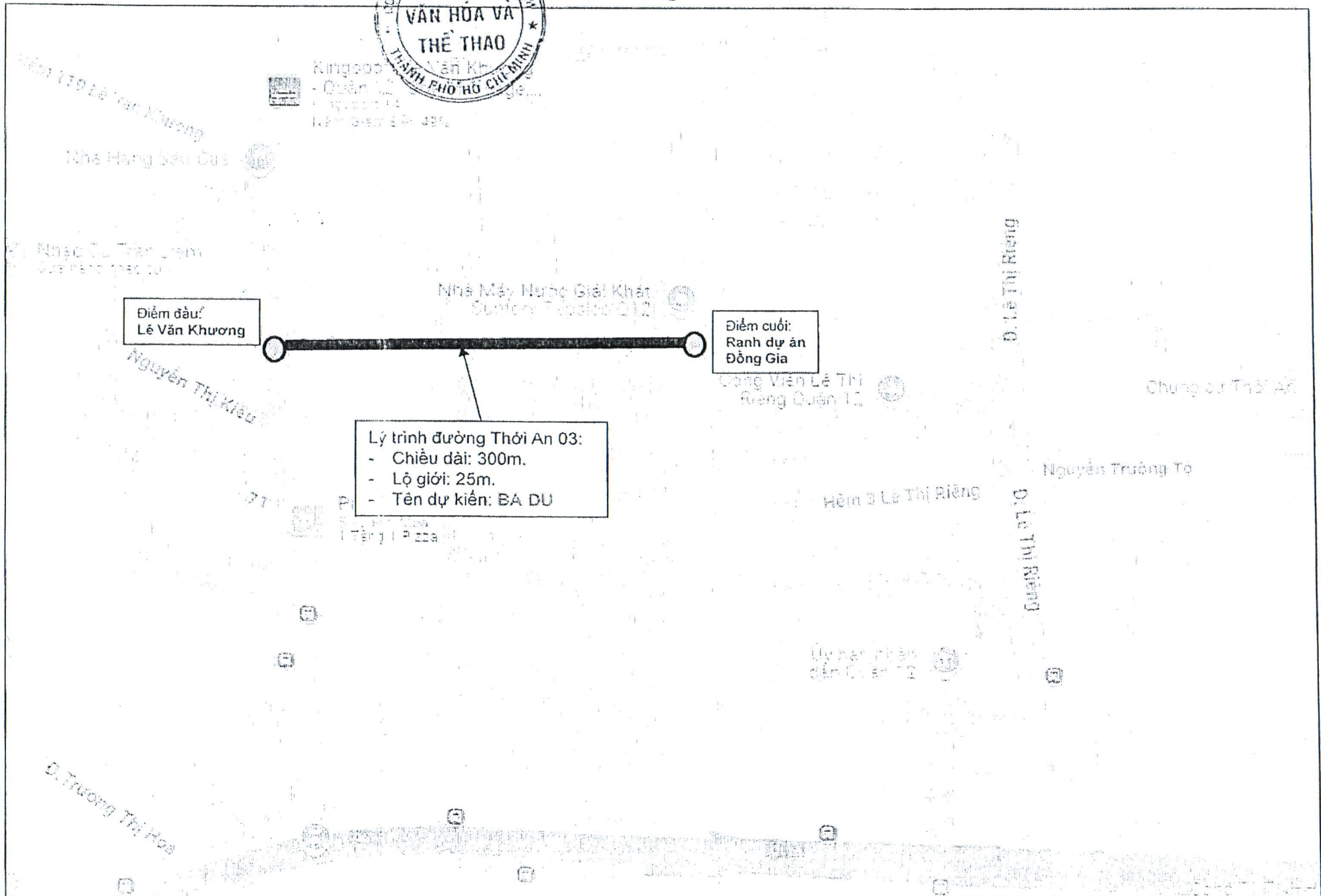
1. Đường Trung Mỹ Tây 13; 2. Đường Trung Mỹ Tây 2A; 3. Đường Trung Mỹ Tây 7A

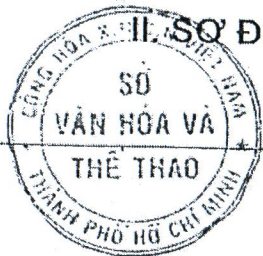




II. SƠ ĐỒ ĐẶT TÊN ĐƯỜNG QUẬN 12

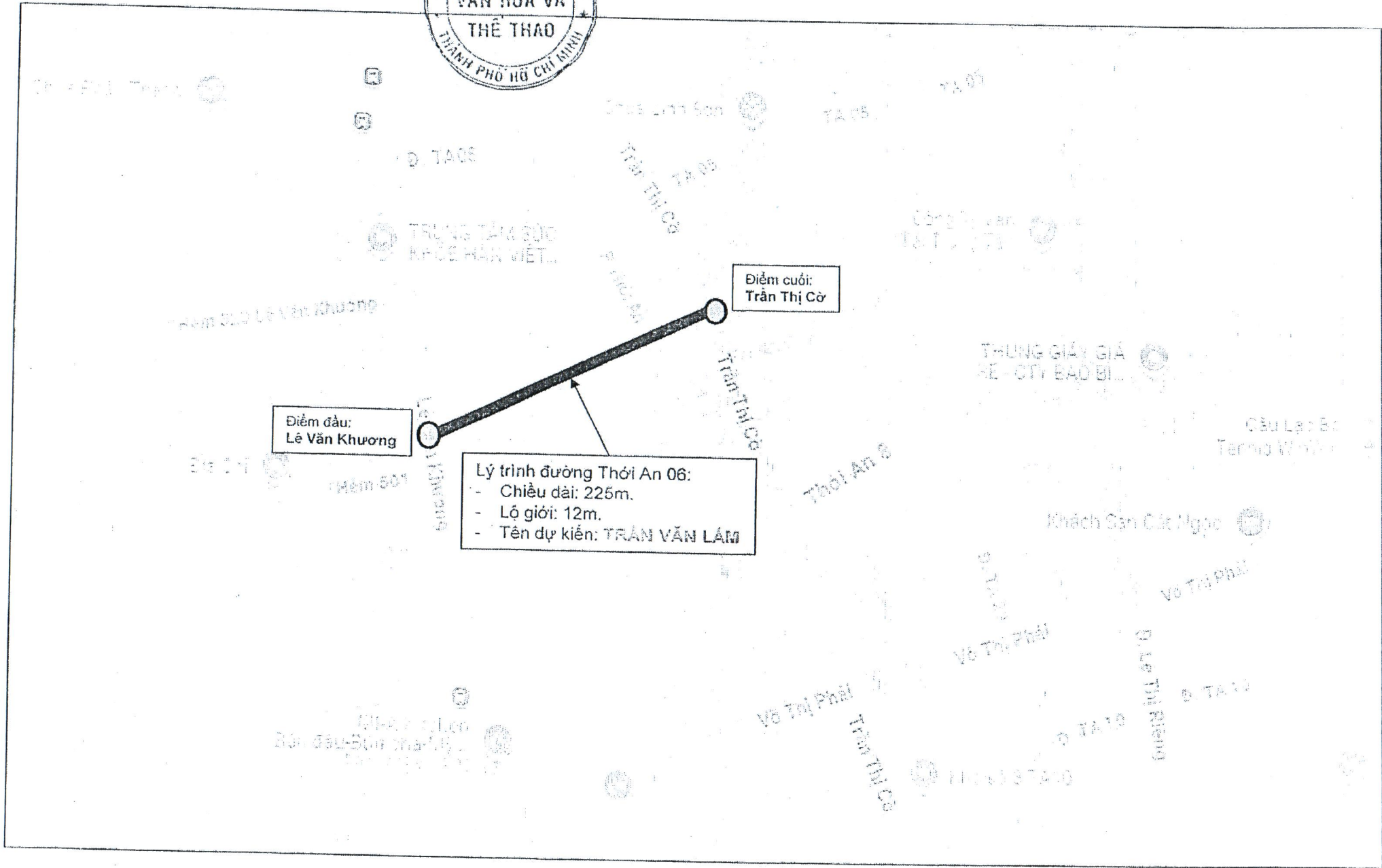
4. Đường Thới An 03





SƠ ĐỒ ĐẶT TÊN ĐƯỜNG QUẬN 12

5. Đường Thới An 06



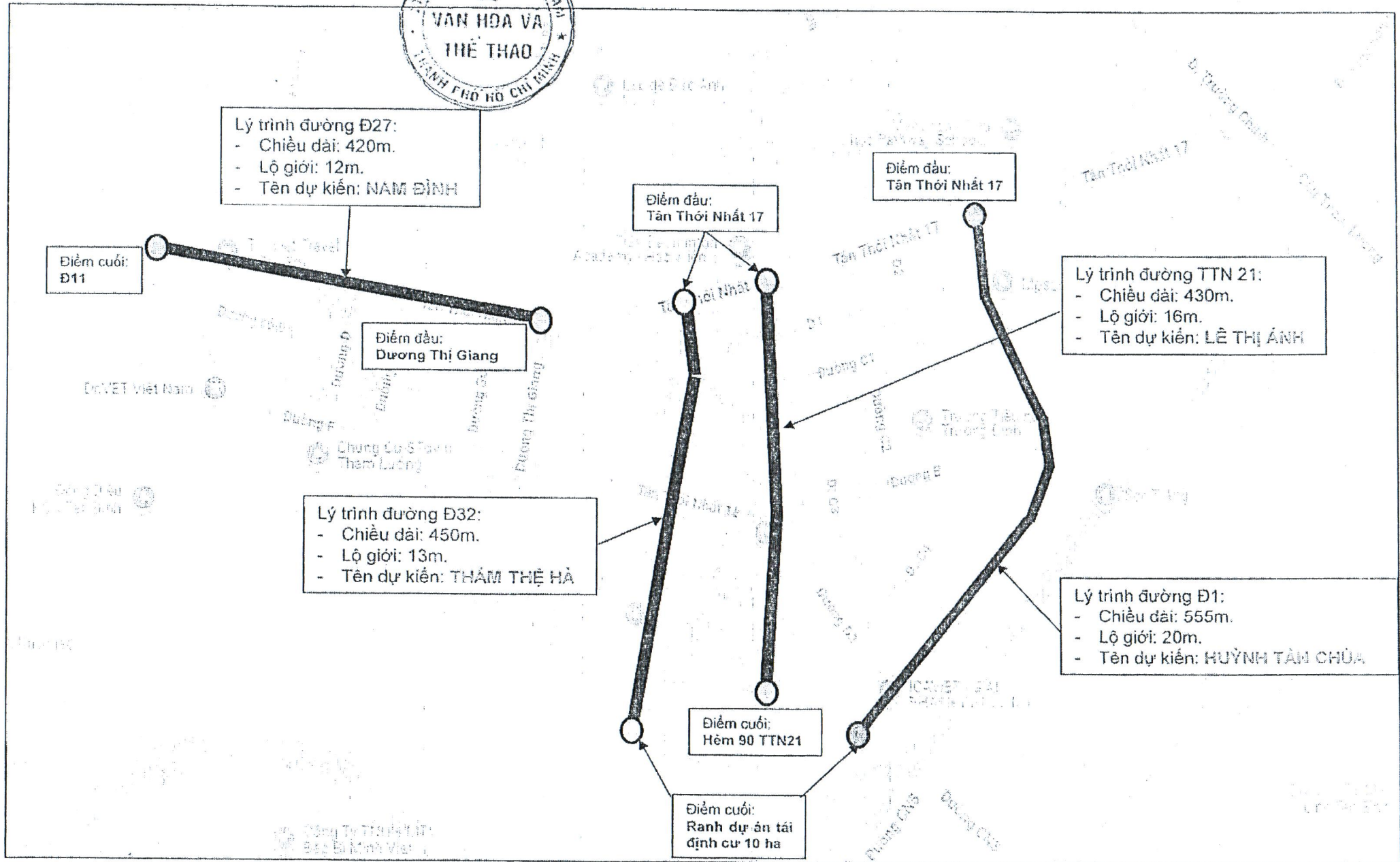
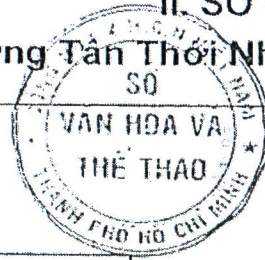
Điểm đầu:
Lê Văn Khương

Điểm cuối:
Trần Thị Cờ

Lý trình đường Thới An 06:
- Chiều dài: 225m.
- Lộ giới: 12m.
- Tên dự kiến: TRẦN VĂN LÂM

II. SƠ ĐỒ ĐẶT TÊN ĐƯỜNG QUẬN 12

6. Đường Tân Thới Nhất 21; 7. Đường Đ32; 8. Đường Đ1; 9. Đường Đ27





II. SƠ ĐỒ ĐẶT TÊN ĐƯỜNG QUẬN 12

10. Đường Hiệp Thành 11

